

Số: /2022/QĐ-UBND Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;
Căn cứ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 3405/TTr-STTTT ngày 30 tháng 12 năm 2022 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3215/BC-STP ngày 30 tháng 12 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin đang công tác tại các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính

trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Quyết định này không áp dụng đối với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ nhập thông tin, dữ liệu hoặc thực hiện những nội dung thuần túy sử dụng ứng dụng phần mềm trong công tác quản lý đã được quy định về định mức, đơn giá trong các văn bản quy định khác.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian thực hiện

1. Điều kiện hỗ trợ

Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

b) Được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân công nhiệm vụ chuyên trách (trực tiếp chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước, triển khai, quản trị, vận hành hệ thống) công nghệ thông tin theo đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ được tính chi trả hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và các phí khác, cụ thể như sau:

- | | |
|---------------------------------------|-----------------------------|
| a) Trình độ tiến sĩ: | 1.500.000 đồng/người/tháng. |
| b) Trình độ thạc sĩ: | 1.200.000 đồng/người/tháng. |
| c) Trình độ đại học: | 1.000.000 đồng/người/tháng. |
| d) Trình độ cao đẳng: | 800.000 đồng/người/tháng. |
| đ) Trình độ trung cấp, kỹ thuật viên: | 500.000 đồng/người/tháng. |

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang hưởng các mức hỗ trợ ưu đãi khác trong lĩnh vực công nghệ thông tin thì chỉ được hưởng theo 01 (một) mức cao nhất.

3. Thời gian thực hiện

Từ ngày 01/01/2023 cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh bảo đảm theo phân cấp quản lý và được giao trong dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với viên chức chuyên trách công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị không thuộc khoản 1 Điều này thì sử dụng từ nguồn thu hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

c) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được hưởng hỗ trợ trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định tại Quyết định này.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được hưởng hỗ trợ theo đúng quy định tại Quyết định này.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được hỗ trợ và dự toán nhu cầu kinh phí của các cơ quan, đơn vị; Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí trong dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Quyết định này.

4. Các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh

a) Ưu tiên bố trí đủ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin theo đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số của tỉnh.

b) Trên cơ sở đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức chuyên công nghệ thông tin được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Quyết định này, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Quyết định giao nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin phù hợp tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

c) Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Trước ngày 15 tháng 9 hàng năm, lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định này và các văn bản, tài liệu liên quan gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được hưởng hỗ trợ theo đúng quy định tại Quyết định này.

đ) Hàng năm, căn cứ vào quy định tại Quyết định này và Quyết định phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được hưởng hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị lập dự toán gửi Sở Tài chính để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin theo đúng quy định tại Quyết định này.

e) Khi có thay đổi về danh sách cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin được hưởng hỗ trợ phải kịp thời báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Ban đảng thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên